

Số: **222** /BC-UBND

Quảng Trị, ngày **16** tháng 11 năm 2018

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM
QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2019**

**Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH
NĂM 2018**

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp. Ở trong nước, kế thừa thành tựu hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta lớn mạnh hơn nhiều nhưng vẫn còn những hạn chế, yếu kém vẫn chưa được giải quyết; thiên tai, bão lũ gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ¹, của Tỉnh ủy² và HĐND tỉnh³; UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các Chương trình hành động, Kế hoạch hành động và các chương trình, đề án, kế hoạch⁴ để tổ chức thực hiện toàn diện, đồng bộ, quyết liệt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh tiếp tục có nhiều đổi mới theo hướng tập trung giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, chương trình trọng điểm, nỗ lực thực hiện chủ đề Năm Doanh nghiệp Quảng Trị đã được BCH Tỉnh ủy xác định; đẩy mạnh xúc tiến, vận động thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư; chuyển đổi sản xuất và xây dựng, phát triển các mô hình có hiệu quả trong khu vực nông nghiệp... Cùng với những

¹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

² Kết luận số 78-KL/TU ngày 05/12/2017 của Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 của Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong nửa đầu nhiệm kỳ 2017-2020

³ Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

⁴ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND về Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ, Kết luận số 78-KL/TU ngày 05/12/2017 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 về Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 57-CTHD/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2018 của BCH Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế...

kết quả rất khả quan và toàn diện mà đất nước đã đạt được trong năm 2018; dưới sự lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh; sự nỗ lực và quyết tâm của các cấp, các ngành, các địa phương, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong toàn tỉnh; tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh tiếp tục đạt được những kết quả rất phấn khởi. Dự kiến hoàn thành 24/24 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đã đề ra (trong đó, có 09 chỉ tiêu vượt kế hoạch). Đây là năm thứ hai liên tiếp, tỉnh đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đã đề ra; tạo cơ sở và niềm tin để thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2016-2020. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

I. VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Về tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Dự báo tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2018 (GSS2010) ước tính đạt 19.050,563 tỷ đồng, tăng 7,14% so với năm 2017⁵, đạt kế hoạch đề ra (KH 2018 tăng 7-7,5%); trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 3.762,72 tỷ đồng, tăng 4,0%; khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 4.651,542 tỷ đồng, tăng 10,2%; khu vực dịch vụ ước đạt 9.655,065 tỷ đồng, tăng 7,1%. GRDP bình quân đầu người năm 2018 theo giá hiện hành ước đạt 42,3 triệu đồng (KH năm là 42 triệu đồng), tăng 7,9% so với năm 2017.

1.2. Chỉ số giá tiêu dùng

Nhiều giải pháp về ổn định kinh tế vĩ mô theo chủ trương của Chính phủ được Tỉnh ủy và UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đồng bộ. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2018 tăng 2,41% so với bình quân cùng kỳ năm trước (10 tháng năm 2017 tăng 4,8%)⁶, dự báo cả năm tăng 3% (cả nước dự báo tăng khoảng 4%). Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ không có nhiều biến động lớn so với năm 2017⁷.

1.3. Lĩnh vực ngân hàng

Lãi suất trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và có xu hướng giảm. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh đã tập trung chỉ đạo các tổ chức tín dụng chấp hành nghiêm túc lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam và trần lãi suất cho vay VND kỳ hạn ngắn đối với các lĩnh vực ưu tiên. Tính đến 20/10/2018, huy động vốn trên địa bàn đạt 19.648 tỷ đồng, tăng 9,23% so với cuối năm 2017; Tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đạt 30.292 tỷ đồng, tăng 15,6% so với cuối năm 2017; Nợ xấu gần 323 tỷ đồng, chiếm 1,07% tổng dư nợ. Ước cả năm 2018, huy động vốn trên địa bàn đạt 19.780 tỷ đồng, tăng 10% so với cuối năm 2017; Tổng dư nợ

⁵ Năm 2017 đạt 17.781,31 tỷ đồng, tăng 7,02% so với năm 2016.

⁶ Các nhóm hàng có chỉ số giá giảm là: hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,52% (lương thực tăng 1,89%, thực phẩm giảm 2,86%, ăn uống ngoài gia đình tăng 2,74%); đồ uống và thuốc lá giảm 0,04%; bưu chính viễn thông giảm 0,89%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,37%.

⁷ Chỉ số giá vàng bình quân 10 tháng năm 2018 tăng 3,51%, Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

cho vay đối với nền kinh tế đạt 30.658 tỷ đồng, tăng 17% so với cuối năm 2017; Nợ xấu chiếm 1% tổng dư nợ.

- Tổng dư nợ cho vay đến 30/9/2018 của Ngân hàng chính sách xã hội là 2.419,8 tỷ đồng, tăng 121,8 tỷ đồng (5,3%) so với năm 2017, với 1.881 tổ tiết kiệm và vay vốn phủ kín tại 141 xã, phường, thị trấn, 1.093 thôn với gần 69 nghìn hộ nghèo và các đối tượng chính sách đang còn dư nợ; hỗ trợ tích cực và có hiệu quả cho công tác xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

1.4. Thu chi ngân sách:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018 ước thực hiện 2.597 tỷ đồng, đạt 100% dự toán địa phương và bằng 106% cùng kỳ năm 2017, trong đó: thu nội địa 2.295 tỷ đồng, đạt 100% dự toán địa phương và tăng 5% dự toán TW; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 302 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

- Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 9.327,698 tỷ đồng, đạt 123% dự toán và bằng 118% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 1.263,562 tỷ đồng/838,810 tỷ đồng, đạt 151% dự toán và bằng 128% so với cùng kỳ năm trước; Chi thường xuyên: 4.658,383 tỷ đồng, đạt 105% dự toán và bằng 103% so với cùng kỳ năm trước; Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung là 3.234,902 tỷ đồng, đạt 153% dự toán và bằng 165% so với cùng kỳ năm trước.

1.5. Thu hút đầu tư

- Trong năm 2018, Lãnh đạo tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh. Công tác thu hút đầu tư được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao chất lượng đã mang lại một số kết quả tích cực. Từ đầu năm đến nay, đã đón tiếp 124 đoàn với hơn 1.100 lượt doanh nghiệp và nhà đầu tư; trong đó, có nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư tại tỉnh. UBND tỉnh đã cụ thể hóa các cam kết hợp tác đầu tư thông qua 05 Biên bản ghi nhớ (MOU) được ký kết⁸. Nhiều dự án đã được triển khai hoặc đang tích cực thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện 14.000 tỷ đồng, đạt kế hoạch đề ra và tăng 21,89% so với năm trước.

- Trong 10 tháng đầu năm 2018, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư 39 dự án, với tổng vốn 4.375 tỷ đồng (trong đó, các dự án thực hiện trong Khu kinh tế, KCN tỉnh 7 dự án với tổng vốn đầu tư 1.345 tỷ đồng). Một số dự án lớn như: Trường liên cấp hội nhập quốc tế Ischool Quảng Trị, Nhà máy điện gió Hướng Hiệp 1; Nhà máy Điện mặt trời Licogi; Nhà máy thủy điện ĐaKrông 4, thủy điện La Tó; Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao FAM- Quảng Trị; Trung tâm thương mại Miền Trung; Khu đô thị sinh thái biển AE resort - Cửa Tùng, Quảng Trị... Trong năm 2018, có 28 dự án được nhà đầu tư triển khai thực hiện, với giá

⁸Tập đoàn ISE FOOD (Nhật Bản) về Hợp tác năng lượng mặt trời, Trang trại sản xuất gà trứng; Tập đoàn Deawon (Hàn Quốc) về Phát triển Khu công nghiệp, nhà ở đô thị; Tập đoàn Gazprom (Nga) về Dự án tích hợp về phát triển nhà máy điện khí; Tập đoàn TPI PP (Thái Lan) về Đầu tư và phát triển Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị

trị giải ngân đạt gần 2.900 tỷ đồng (trong đó có 4 dự án cấp mới trong năm 2018 giải ngân đạt hơn 700 tỷ đồng). Dự kiến cả năm 2018 cấp phép đầu tư cho khoảng 45 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký ước đạt 7.000 tỷ đồng.

- Tính đến nay, có 110⁹ dự án đầu tư vào các KCN, KKT với tổng mức 8.782 tỷ đồng; trong đó, có 74 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, 30 dự án đang triển khai xây dựng nhà máy và 06 dự án đã được cấp Giấy CNĐT, đang làm thủ tục thuê đất để xây dựng nhà máy. Đồng thời, đã chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với 01 dự án đầu tư tại KCN Nam Đông Hà và 02 dự án kinh doanh thương mại dịch vụ tại Khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo

- Từ đầu năm đến nay có 02 dự án ODA được ký Hiệp định vay với nhà tài trợ¹⁰ với tổng vốn đầu tư khoảng 1.400 tỷ đồng. Dự kiến đến hết năm 2018 sẽ có thêm 01 dự án ODA được ký kết Hiệp định với nhà tài trợ và thực hiện các thủ tục rút vốn vay, đó là dự án Phát triển CSHT du lịch hỗ trợ tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng giai đoạn 2 do ADB tài trợ với tổng vốn đầu tư 11,42 triệu USD (258,1 tỷ đồng). Đến nay, toàn tỉnh có 23 dự án ODA đang thực hiện được bố trí vốn là 1.293,501 tỷ đồng; Trong đó, vốn đối ứng là 210,582 tỷ đồng¹¹, vốn nước ngoài là 1.080,919 tỷ đồng¹². Đến hết năm 2018, dự kiến các dự án ODA sẽ giải ngân hơn 80%¹³ so với kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt giao vốn trong năm.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 14 dự án FDI có hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 46,65 triệu USD, giải quyết việc làm thường xuyên và tạo ra khoản thu nhập đáng kể cho khoảng 1.423 lao động và nộp ngân sách 0,8 triệu USD. Tỉnh cũng đã vận động được 23 khoản viện trợ phi chính phủ với tổng giá trị cam kết lên đến 12,16 triệu USD.

2. Tiếp tục đẩy mạnh 3 đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020

- Ngày 26/02/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 395/QĐ-UBND về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 93-CTHĐ/TU ngày 17/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành

⁹ Tổng doanh thu của các doanh nghiệp ước đạt 3.000 tỷ đồng tăng 11,1% so với năm trước, đóng góp cho ngân sách địa phương trên 300 tỷ đồng tăng 11,1% so với năm trước.

¹⁰ Dự án Phát triển CSHT cho tăng trưởng toàn diện tỉnh Quảng Trị (ADB) với tổng vốn đầu tư là 998,151 tỷ đồng (Hiệp định ký ngày 23/7/2018); Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp (WB) với tổng vốn đầu tư là 428,9 tỷ đồng (Hiệp định ký ngày 03/8/2018).

¹¹ Vốn đối ứng: Vốn đối ứng từ NSTW được bố trí tại Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 là 133,844 tỷ đồng (trong đó thu hồi 24,215 tỷ đồng); vốn đối ứng từ NSĐP được bố trí tại Quyết định 3575/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 là 69,441 tỷ đồng (bố trí thu hồi là 10 tỷ đồng); vốn đối ứng của các dự án nhóm Ô được bố trí thông qua các cơ quan chủ quản và các dự án bố trí vốn hành chính sự nghiệp là 7,297 tỷ đồng.

¹² Vốn nước ngoài được bố trí tại Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 là 885,493 tỷ đồng; Vốn nước ngoài các dự án nhóm Ô được bố trí thông qua các cơ quan chủ quản là 174,135 tỷ đồng, vốn cho vay lại là 23,291 tỷ đồng

¹³ Do một số dự án gặp khó khăn về cơ chế trong nước về sử dụng vốn nước ngoài cho các hoạt động như GPMB, nâng cao năng lực...; Tỉnh đã đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ cho phép điều chỉnh nội bộ nguồn vốn nước ngoài năm 2018 nhưng đến nay vẫn chưa có Văn bản phản hồi.

Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tổ chức rà soát và báo cáo danh mục các loại Quy hoạch đã và đang lập, điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh. Chuẩn bị các nguồn lực để xây dựng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển nguồn nhân lực; đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao; đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ; gắn kết giữa phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng khoa học, công nghệ... Đẩy mạnh dạy nghề, gắn công tác đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội. Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu các dự án đầu tư, nhất là các dự án triển khai tại KKT Đông Nam.

- Tích cực thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển ngoài nhà nước, nhất là nguồn vốn trong nhân dân và nguồn vốn đầu tư ngoài tỉnh và ngoài nước. Đẩy mạnh các hình thức đầu tư theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm hoàn thành các dự án; đồng thời triển khai một số dự án mới về đầu tư kết cấu hạ tầng trong lĩnh vực giao thông, công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, thủy lợi, y tế, giáo dục, quản lý nhà nước và quốc phòng - an ninh.

3. Phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực

3.1. Công nghiệp - Xây dựng

- Do phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn là vừa và nhỏ, năng lực hạn chế, công nghệ chậm đổi mới nên UBND tỉnh đã ưu tiên tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, tìm kiếm thị trường, phát triển sản xuất cho doanh nghiệp. Tuy vậy, sản xuất công nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, giá trị sản xuất tuy vẫn tiếp tục tăng trưởng nhưng mức tăng chậm hơn so với năm 2017.

Trong 10 tháng năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước¹⁴; trong đó: ngành khai khoáng tăng 13,08%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,07%; sản xuất và phân phối điện tăng 18,32%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 9,43%. Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp cả năm 2018 tăng 9,25% so với năm 2017¹⁵ nhưng vẫn thấp hơn rất nhiều so với mức tăng của năm 2017 (năm 2017 tăng 15,04%). Một số sản phẩm chủ yếu năm 2018 so với năm trước tăng cao: điện sản xuất ước đạt 662 triệu Kwh, tăng 36,21%; lốp dùng cho xe máy, xe đạp 2.825 nghìn cái, tăng 34,97%; dăm gỗ 306.024 nghìn tấn, tăng 34,44%; quặng inmenit và tinh quặng inmenit 10.456 tấn, tăng 32,61%; gạch không nung 60.703 nghìn viên, tăng 31,19%...

¹⁴ Cùng kỳ năm 2017 tăng 15,5%.

¹⁵ Trong đó: ngành khai khoáng tăng 13,20% (năm 2017 tăng 8,52%); công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,90% (năm 2017 tăng 15,73%); sản xuất và phân phối điện tăng 18,95% (năm 2017 tăng 16,90%); cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 9,50% (năm 2017 tăng 3,80%).

Tỉnh đã tập trung mọi nỗ lực, phối hợp với các bên có liên quan rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đầu tư để sớm khởi công xây dựng Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khu bến cảng Mỹ Thủy, cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các nhà đầu tư¹⁶ tiến hành khảo sát nghiên cứu đầu tư Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore (VSIP), tích cực hỗ trợ Công ty cổ phần Tập đoàn FLC triển khai khảo sát, lập dự án đầu tư tại huyện Triệu Phong và Cam Lộ. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư Dự án điện gió Hướng Phùng 1 và Hướng Hiệp 1; đẩy nhanh tiến độ xây dựng Dự án Hướng Linh 1 và Hướng Phùng 2. Hỗ trợ nhà đầu tư, sớm đưa vào sử dụng, khai thác một số dự án đầu tư đã cơ bản hoàn thành trong năm 2018¹⁷. Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh. Lãnh đạo tỉnh cũng đã tích cực làm việc và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung KKT Đông Nam Quảng Trị vào nhóm KKT biển được hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước, hỗ trợ nguồn vốn đầu tư từ NSTW để triển khai rà phá bom mìn phục vụ dự án VSIP8.

Các mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ khí, sửa chữa nhỏ và làng nghề được chú trọng phát triển. Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 48 làng có các nghề đang hoạt động, trong đó có 15 làng có nghề truyền thống, còn lại là các làng có nghề mới¹⁸. Một số ít làng nghề đang phát triển tốt như làm nước mắm, nấu rượu, thêu ren, nấu cao dược liệu... Tuy nhiên, một số sản phẩm của các làng nghề còn đơn điệu, sức cạnh tranh thấp nên chỉ tiêu thụ nội địa và các tỉnh lân cận. Công tác khuyến công cũng như việc khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất, kinh doanh được đẩy mạnh.

Giá trị sản xuất xây dựng năm 2018 (giá hiện hành) ước đạt 10.493,1 tỷ đồng¹⁹; giá trị sản xuất tính theo giá so sánh 2010 ước đạt 7.224,6 tỷ đồng, tăng 6,84% so với năm trước; trong đó: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở đạt 3.340,1 tỷ đồng, tăng 17,27%; giá trị sản xuất xây dựng nhà không ở đạt 1.043,7 tỷ đồng, giảm 10,45%; giá trị sản xuất xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng đạt 2.523 tỷ đồng, tăng 5,32%; giá trị sản xuất xây dựng công trình chuyên dụng đạt 317,8 tỷ đồng, giảm 9,35%.

¹⁶ Công ty liên doanh VSIP, Tập đoàn Amata (Thái lan), Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản), Tập đoàn LH (Hàn Quốc).

¹⁷ Nhà máy khí công nghiệp Quảng Trị (Công ty Cổ phần khí công nghiệp Nghệ An), Nhà máy sản xuất ống công bê tông ly tâm dự ứng lực (Công ty cổ phần Việt Ren), Nhà máy sản xuất gạch không nung (Công ty CP Minh Hưng), 02 Dự án Khai thác đá làm VLXDĐT (của Công ty TNHH Minh Hưng và Công ty TNHH Mai Hoàng), Nhà máy sản xuất ván ép Plywood (Công ty ván ép Cam Lộ),...

¹⁸ Đến nay, toàn tỉnh đã công nhận cho 14 làng nghề CN-TTCN, trong đó có: 10 làng nghề truyền thống và 04 nghề truyền thống và làng nghề trong lĩnh vực chế biến nước mắm, bún bánh, nấu rượu, nấu cao.

¹⁹ Trong đó: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở đạt 4.858,2 tỷ đồng, chiếm 46,30%; công trình nhà không ở đạt 1.518,1 tỷ đồng, chiếm 14,47%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 3.669,7 tỷ đồng, chiếm 34,97%; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 447,1 tỷ đồng, chiếm 4,26%.

3.2. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Mặc dù gặp một số khó khăn do các yếu tố khách quan nhưng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục tăng trưởng. Nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đã được tinh quan tâm tổ chức thực hiện có chiều sâu, chất lượng và hiệu quả. Nhiều mô hình sản xuất và giải pháp sáng tạo, mang tính thực tiễn được triển khai; các doanh nghiệp tăng cường liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ với HTX/THT theo chuỗi giá trị, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp theo hướng hữu cơ đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nhiều sản phẩm như: gạo hữu cơ, gạo sạch canh tác tự nhiên, cà phê, hồ tiêu sạch, rau sạch,... đã được xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu để từng bước xâm nhập thị trường trong nước và quốc tế.

- *Trồng trọt*: Cây lương thực có hạt gieo trồng được 54.855 ha²⁰, tăng 0,5% (+303 ha) so với năm 2017, đạt 100,6% kế hoạch; trong đó: cây lúa gieo trồng được 50.708,3ha, tăng 406 ha, vượt 2,8% kế hoạch năm. Năng suất các loại cây lương thực đều tăng so với năm ngoái²¹. Đặc biệt, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 28,9 vạn tấn, vượt 11,17% kế hoạch năm và tăng 12,29% so với cùng kỳ. Diện tích các loại cây dài ngày được duy trì ổn định tuy năng suất, sản lượng một số loại cây chủ yếu có giảm nhẹ với cùng kỳ năm trước²². Diện tích trồng mới, tái canh cây công nghiệp dài ngày ước đạt 700 ha (trong đó: Cà phê: 150 ha, Cao su: 500 ha; Hồ tiêu: 50 ha), đạt 100% KH năm.

- *Chăn nuôi* tiếp tục phát triển theo hướng trang trại, gia trại tập trung gắn với an toàn sinh học và vệ sinh môi trường. Các tiến bộ kỹ thuật được chú trọng nên năng suất tăng, thời gian chăn nuôi rút ngắn; nhiều mô hình mới, có hiệu quả được phổ biến rộng rãi. Ước tính đến 01/10/2018, đàn bò có 68.000 con, tăng 0,80%; đàn gia cầm có 2.542 nghìn con, tăng 1,88%; mặc dù đàn trâu có 25.750 con, giảm 2,31%; đàn lợn có 242.400 con, giảm 1,68% nhưng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước tính đạt 39.579,2 tấn, tăng 3,3% so với năm trước. Trong năm có bệnh dịch xảy ra nhưng thiệt hại không đáng kể²³.

- *Lâm nghiệp*: Tỷ lệ che phủ rừng tiếp tục được giữ ổn định ở mức trên 50%, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 7.240 ha, vượt kế hoạch đề ra; số cây trồng phân tán đạt 2.700 nghìn cây; diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 29.500 ha, tăng 3,20%; diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh đạt 1.600 ha, giảm 6,43%; diện tích rừng được giao khoán bảo vệ đạt 93.105 ha, tăng 75,97%.

²⁰ Trong đó: Diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao đạt 33.059,9 ha (tăng 3.716,3 ha so với năm 2017), chiếm 65,6% tổng diện tích gieo trồng lúa 02 vụ.

²¹ Năng suất lúa cả năm ước đạt 54,2 tạ/ha, tăng 5,8 tạ/ha so với năm trước; cây ngô năng suất đạt 34,3 tạ/ha, tăng 1,3 tạ/ha; cây khoai lang năng suất đạt 79,9 tạ/ha, tăng 2,9 tạ/ha; cây sắn năng suất đạt 169 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha...

²² Năng suất cây cao su ước đạt 13,1 tạ/ha, giảm 0,4 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 15.404,9 tấn, tăng 4,1% (+606,6 tấn); năng suất cây cà phê ước đạt 13,8 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 6.416,9 tấn, giảm 6,69% (- 460,4 tấn); năng suất cây hồ tiêu ước 7,2 tạ/ha, giảm 5,6 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 1.465,2 tấn, giảm 40,15% (- 982,8 tấn)...

²³ Từ đầu năm đến nay đã xảy ra dịch lở mồm long móng tại 10 xã, phường, thị trấn thuộc 7 huyện, thành phố (TP Đông Hà, huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ và Hướng Hóa); tổng số gia súc mắc bệnh 239 con (29 con trâu, 178 con bò và 32 con lợn); chết và tiêu hủy 46 con (01 con bò và 45 con lợn).

Sản lượng gỗ khai thác ước tính đạt 850.000 m³, tăng 22,04%; sản lượng củi khai thác đạt 230.000 ste. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng được chú trọng nhưng do thời tiết diễn biến phức tạp nên đã xảy ra 05 vụ cháy rừng với diện tích 14,05 ha, giá trị thiệt hại 341,5 triệu đồng. Công tác đấu tranh, ngăn chặn tình trạng khai thác, buôn bán, vận chuyển trái phép lâm sản được thực hiện quyết liệt, có hiệu quả²⁴.

- *Thủy sản*: UBND tỉnh đã tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại ngành thủy sản và triển khai mạnh mẽ các chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, Quyết định 48/2010/QĐ-TTg. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước tính đạt 3.343,5 ha, tăng 0,78% so với năm trước; trong đó: cá 23.917 tấn, giảm 0,90%; tôm 4.987 tấn, tăng 23,59%; thủy sản khác 3.683 tấn, tăng 9,57%. Tổng sản lượng thủy sản năm 2018 ước tính đạt 32.587 tấn²⁵, tăng 3,35% so với năm trước.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Theo kết quả rà soát hiện trạng tiêu chí nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 14,25 tiêu chí/xã, tăng 01 tiêu chí/xã so với cuối năm 2017²⁶. Dự kiến đến cuối năm 2018 có thêm 8-10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 50 đến 52 xã (chiếm 42,7-44,4%), vượt kế hoạch đề ra.

3.3. Thương mại - dịch vụ, du lịch

- Thị trường bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2018 khá sôi động. Trong năm, với việc tổ chức thành công nhiều sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng trên địa bàn tỉnh thu hút lượng khách khá lớn. Giá cả ổn định, hàng hoá đa dạng, nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng đầu năm 2018 là 22.009,82 tỷ đồng, tăng 9,22% so với cùng kỳ năm trước. Ước cả năm 2018 đạt 27.100 tỷ đồng²⁷, vượt kế hoạch đề ra.

- Cùng với sự phát triển về kinh tế nói chung, cơ sở hạ tầng giao thông ngày càng được cải thiện về cả số lượng và chất lượng, hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh năm 2017 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Trong 10 tháng năm 2018, doanh thu vận tải ước tính đạt 1.108,94 tỷ đồng, tăng 9,36% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu vận tải năm 2018 ước tính đạt 1.362,5 tỷ

²⁴ Từ đầu năm đến nay đã phát hiện và bắt giữ 227 vụ vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính 209 vụ; lâm sản tịch thu 325,494 m³ gỗ các loại, 261,7 kg động vật rừng và sản phẩm động vật rừng; phạt tiền 950,75 triệu đồng.

²⁵ Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 8.395 tấn, tăng 14,16%; Sản lượng thủy sản khai thác ước tính đạt 24.192 tấn, tăng 0,07% so với năm trước.

²⁶ Số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 42/117 xã, đạt 35,89% số xã, tăng 11 xã so với cuối năm 2017. Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 19 xã, đạt 16,23 %, tăng 7 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 29 xã, đạt 24,78%, giảm 18 xã; Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 27 xã, đạt 23,1%, không giảm so với cuối năm 2017.

²⁷ Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 22.896,8 tỷ đồng, chiếm 84,49% tổng mức và tăng 9,90% so với năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 2.805 tỷ đồng, chiếm 10,35% tổng mức và tăng 11,72%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 31,7 tỷ đồng, chiếm 0,12% tổng mức và tăng 9,35%; doanh thu dịch vụ khác đạt 1.366,5 tỷ đồng, chiếm 5,40% tổng mức và tăng 11,94%.

đồng²⁸, tăng 9,80% so với năm trước; Số lượt hành khách vận chuyển năm 2018 ước tính đạt 7.496 nghìn HK, tăng 3,75% so với năm trước; Khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2018 ước tính đạt 9.180 nghìn tấn, tăng 5,61% so với năm trước.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 167 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính. Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là: 2.214 trạm (807 trạm 2G, 940 trạm 3G, 467 trạm 4G). Toàn tỉnh có 616.254 thuê bao điện thoại; trong đó: số thuê bao cố định 14.500 thuê bao; số thuê bao di động 601.754 thuê bao. Số thuê bao Internet hiện có là 72.035 thuê bao.

4. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp

4.1. Về hỗ trợ đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

- Với quyết tâm cao và cam kết mạnh mẽ của Lãnh đạo tỉnh về xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, thông thoáng, tình hình cấp phép đầu tư trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả khả quan. Thực hiện chủ đề Năm Doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị 2018, UBND tỉnh định kỳ tổ chức Hội nghị đối thoại, duy trì mô hình cà phê doanh nhân để nắm bắt và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; chỉ đạo các ngành, địa phương đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh. Nhiều thủ tục hành chính đã được rút ngắn, giảm thiểu thời gian chờ đợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Trong năm tỉnh đã đón tiếp nhiều đoàn doanh nghiệp và nhà đầu tư đến nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư tại tỉnh, trong đó có một số nhà đầu tư có tiềm năng và uy tín như: Cơ quan xúc tiến đầu tư và thương mại Hàn Quốc (KOTRA) tại Đà Nẵng; Tập đoàn ISE Food, Tập đoàn Hokkaido (Nhật Bản); Liên doanh Sembcorp (Singapore), Amata (Thái Lan), LH (Hàn Quốc) và Sumitomo (Nhật Bản); Tập đoàn Gazprom (Nga); Tập đoàn Điện lực Đại Chúng/Thái Lan; Tập đoàn FLC; Tập đoàn Daewon (Hàn Quốc); Tập đoàn Điện lực quốc tế Thái Lan (Egati); Tập đoàn Shaiyo AAA, Tập đoàn điện lực TPI PP (Thái Lan), Tập đoàn POSCO (Hàn Quốc). UBND tỉnh đã cụ thể hóa các cam kết hợp tác đầu tư thông qua 05 Biên bản ghi nhớ (MOU) được ký kết²⁹.

4.2. Tình hình phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

Từ đầu năm đến ngày 16/10/2018, có 277 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.764,7 tỷ đồng, tăng 6,95% về số doanh nghiệp và giảm 2,70% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017; số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 6,37 tỷ đồng. Số doanh nghiệp ngừng hoạt động là 111 doanh nghiệp, tăng 12,12% so với cùng kỳ năm 2017; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh là 46 doanh nghiệp,

²⁸ Trong đó: doanh thu vận tải hành khách đạt 455,82 tỷ đồng, tăng 10,64%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 835,80 tỷ đồng, tăng 8,90%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 70,88 tỷ đồng, tăng 15,40%.

²⁹ Tập đoàn ISE FOOD (Nhật Bản) về Hợp tác năng lượng mặt trời, Trang trại sản xuất gà trứng; Tập đoàn Daewon (Hàn Quốc) về Phát triển Khu công nghiệp, nhà ở đô thị; Tập đoàn Gazprom (Nga) về Dự án tích hợp về phát triển nhà máy điện khí; Tập đoàn TPI PP (Thái Lan) về Đầu tư và phát triển Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị

tăng 9,52%. Dự kiến cả năm 2018, có 366 doanh nghiệp thành lập mới, tạo việc làm mới cho 2.500 lao động, nâng số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 3.482 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký kinh doanh trên 2.516 tỷ đồng.

Toàn tỉnh có 344 HTX, liên hiệp HTX, tăng 05 HTX so với năm 2017³⁰. Có 7.150 tổ hợp tác hoạt động trên các lĩnh vực: tiết kiệm tín dụng, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, sản xuất TTCN... Tổng số thành viên của HTX là 99.000 người, tổ hợp tác là 35.000 người. Doanh thu bình quân của HTX khoảng 786 triệu đồng/năm, đạt 87,6% kế hoạch đề ra, doanh thu bình quân của tổ hợp tác là 950 triệu đồng/năm, trong đó lãi bình quân của một hợp tác xã khoảng 99 triệu đồng/năm. Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đạt trình độ cao đẳng, đại học là 250 người, chiếm 14,05% so và đạt 92% so với mục tiêu kế hoạch năm 2018.

4.3. Tình hình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

Ban Chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp tỉnh đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện đổi mới doanh nghiệp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện cổ phần hóa của các công ty theo đúng lộ trình tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 - 2020. Đến nay, có 03 doanh nghiệp cổ phần hóa do Nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không nắm giữ vốn điều lệ³¹; doanh nghiệp nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ đối với 03 công ty³². Duy trì doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, gồm 2 doanh nghiệp³³. Đang tổ chức cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt và 03 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải, Bến Hải và Đường 9.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Giáo dục - Đào tạo

Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Mạng lưới trường, lớp ở các cấp học và bậc học được quan tâm đầu tư³⁴. Công tác phổ cập giáo dục

³⁰ Trong đó có 304 HTX nông nghiệp, 11 HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 5 HTX xây dựng, 11 HTX tín dụng, 10 HTX vận tải và 3 loại hình HTX khác. Đã có 249 HTX chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012 (chiếm 72,38%); 19 HTX chuyển đổi hoạt động sang hình thức khác (chiếm 5,52%); 76 HTX chưa chuyển đổi hoạt động (chiếm 22,09%).

³¹ Công ty TNHH MTV Đông Trường Sơn đã chuyển đổi thành công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị, nhà nước không nắm giữ cổ phần; Công ty Cổ phần Tân Hưng, nhà nước nắm giữ 30% cổ phần; Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Quảng Trị, nhà nước nắm giữ 30% cổ phần.

³² Công ty TNHH một thành viên Thương mại Quảng Trị đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị (nhà nước nắm 57,33% cổ phần); Công ty TNHH MTV cấp nước và Xây dựng Quảng Trị đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị (nhà nước nắm 50,91% cổ phần); Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà đã chuyển đổi thành Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà (nhà nước nắm 55,38% cổ phần).

³³ Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Quảng Trị; Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi.

³⁴ Số liệu sơ bộ đầu năm học 2018-2019, giáo dục phổ thông toàn tỉnh có 244 trường học, giảm 72 trường so với năm học trước (Tiểu học 86 trường, giảm 69 trường; THCS 60 trường, giảm 52 trường; PTCS 67 trường,

tiếp tục được duy trì vững chắc với nhiều giải pháp hiệu quả từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trường học³⁵. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được đẩy mạnh; Toàn tỉnh có 280/495 trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm tỷ lệ 56,6%); Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn có nhiều tiến bộ, tỷ lệ bỏ học giảm so với cùng kỳ. Nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa...³⁶.

Chế độ, chính sách đối với giáo viên, đặc biệt là giáo viên vùng khó được quan tâm hỗ trợ phụ cấp ưu đãi kịp thời, đúng chế độ. Giáo viên mầm non ngoài biên chế được hưởng lương theo Nghị quyết 3.5 của HĐND tỉnh đã được tuyên dụng vào biên chế. Tổ chức tốt kỳ thi khảo sát năng lực giáo viên ở tất cả các cấp học với kết quả đạt được rất cao³⁷.

2. Công tác Y tế và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của nhân dân được quan tâm; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được chú trọng đầu tư; đội ngũ cán bộ được đào tạo nâng cao chất lượng; mạng lưới y tế được củng cố và phát triển³⁸. Công tác khám, chữa bệnh được duy trì tốt và có chất lượng³⁹. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,5%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 13,9%.

- Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Công tác truyền thông, giáo dục và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản được tăng cường. Tỷ suất sinh giảm 0,3‰, đạt kế hoạch đề ra.

Công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm được chủ động triển khai⁴⁰, không có trường hợp tử vong do bệnh truyền nhiễm gây ra. Công tác phòng,

tăng 49 trường; THPT 25 trường, giảm 2 trường; TH 5 trường, tăng 2 trường; Phổ thông 01 trường, bằng năm học trước). Số lớp học có 4.459 lớp học, giảm 16 lớp so với năm học trước.;

³⁵ Kết quả có 10/10 huyện, thị xã, thành phố duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 1.

³⁶ Kỳ thi học sinh giỏi văn hoá THPT cấp quốc gia năm 2018, tỉnh Quảng Trị đạt 16 giải, trong đó: 01 giải nhất, 06 giải nhì, 03 giải ba và 06 giải khuyến khích; Có 01 em học sinh được chọn vào đội tuyển dự thi khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Có 3 đề tài khoa học kỹ thuật dự thi cấp quốc gia đạt 01 giải nhì chung cuộc và 02 giải khuyến khích do các trường đại học trao tặng.

³⁷ Kết quả: Cấp học mầm non có 823 GV dự thi, 815 GV đạt điểm từ trung bình trở lên (tỷ lệ 99,03%). Cấp Tiểu học có 950 GV tham gia khảo sát, 927 GV đạt 5 điểm trở lên môn tiếng Việt (tỷ lệ 97,58%), 932 GV đạt 5 điểm trở lên môn tiếng Toán (tỷ lệ 98,11%). Cấp THCS và THPT có 638 GV THCS và 436 GVTHPT tham gia khảo sát, 580 GVTHCS đạt điểm trung bình trở lên (tỷ lệ 90,9%), 421 GVTHPT đạt điểm trung bình trở lên (tỷ lệ 96,56%). Khối GDTX có 5 GV tham gia khảo sát, có 4 GV đạt trung bình trở lên (tỷ lệ 80%).

³⁸ Đến nay toàn tỉnh có 19 Bệnh viện và Phòng khám đa khoa khu vực; 141 trạm y tế xã, phường, thị trấn; 03 cơ sở y tế khác. Có 2.025 giường bệnh (không kể trạm xá), tăng 16,71% so với cùng kỳ năm trước. Đội ngũ cán bộ y tế tại các cơ sở trực tiếp khám chữa bệnh khu vực nhà nước ngày càng được tăng cường về chất lượng chuyên môn; có 2.564 cán bộ ngành y, tăng 0,47% so với năm trước (Trong đó có 575 bác sĩ trở lên, tăng 0,70%); có 184 cán bộ ngành dược, tăng 0,55% (Trong đó có 57 dược sĩ cao cấp trở lên, tăng 3,64%).

³⁹ Năm 2018 ước tính có 1.229.862 lượt người khám bệnh, tăng 5,4% so với năm trước; 140.297 lượt bệnh nhân điều trị nội trú, tăng 5,05%.

⁴⁰ Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh có 9.138 trường hợp mắc bệnh cúm, giảm 17,09% so với cùng kỳ năm trước; 285 trường hợp mắc bệnh lỵ Amip, giảm 14,41%; 552 trường hợp mắc bệnh lỵ trực trùng, giảm 10,39%; 226 trường hợp mắc bệnh quai bị, giảm 36,16%; 506 trường hợp mắc bệnh thủy đậu, tăng 36,02%; 1487 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy, giảm 18,34%; 111 trường hợp mắc bệnh viêm gan virus, giảm 40%; 275 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết, giảm 51,4%...

chống HIV/AIDS được đẩy mạnh⁴¹. Công tác thông tin, truyền thông, thanh tra, kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm được đặc biệt chú trọng, tuy nhiên, vẫn có một số vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra⁴².

3. Lao động - Thương binh và Xã hội

- Công tác đào tạo nghề cho lao động được chỉ đạo thực hiện đồng bộ, trong năm, từ đầu năm đến 20/10/2018, toàn tỉnh đã tuyển sinh đào tạo nghề được 11.180 người. Ước tính cả năm 2018 toàn tỉnh tuyển sinh đào tạo nghề 12.500 người (cao đẳng 700 người, trung cấp 1.700 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên 10.100 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 54,5%, qua đào tạo nghề đạt 39% và đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 30%.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, dạy nghề, giảm nghèo. Nhiều phiên giao dịch việc làm được tổ chức; từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh có 10.250 lượt lao động được tạo việc làm mới (5.220 lao động làm việc trong tỉnh, 3.280 lao động làm việc ngoài tỉnh và 1.500 lao động làm việc ở nước ngoài). Ước tính năm 2018 toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho khoảng 11.000 lượt lao động; trong đó: xuất khẩu lao động 1.500 người.

- Công tác bảo trợ xã hội và chính sách thương binh, liệt sĩ, người có công tiếp tục được đặc biệt quan tâm chăm lo⁴³. Công tác cứu trợ gạo được thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng định mức quy định, giúp người nghèo vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống⁴⁴. Tính nay, toàn tỉnh có 33.275 đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng⁴⁵. Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” tiếp tục duy trì và hoạt động có hiệu quả.

- Triển khai thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 của Quốc hội. Các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm

⁴¹ Tính đến nay, số người nhiễm HIV còn sống tại Quảng Trị là 220 người (số trẻ em dưới 15 tuổi nhiễm HIV là 11 trẻ, số bà mẹ mang thai nhiễm HIV sinh con là 39 bà mẹ); trong đó: có 65 trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS. Số bệnh nhân tử vong do AIDS toàn tỉnh tính đến thời điểm trên là 95 người.

⁴² Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm làm 49 người bị ngộ độc, 28 người phải cấp cứu tại Bệnh viện, không có trường hợp tử vong.

⁴³ Đã đưa Trung tâm Bảo trợ xã hội 1 vào hoạt động. Trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018, Tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công cách mạng, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh. Tổng số quà tặng cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội là 74.704 suất quà, tổng kinh phí 30.079,1 triệu đồng. Trong đó: Quà của Chủ tịch Nước 31.693 suất với kinh phí 6.461,4 triệu đồng; Quà từ ngân sách địa phương (tỉnh/huyện) 4.236 suất với kinh phí 1.973,7 triệu đồng; Quà các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp 38.775 suất với trị giá 21.644 triệu đồng.

⁴⁴ Tiếp nhận 500 tấn gạo Chính phủ Hàn Quốc hỗ trợ cho tỉnh Quảng Trị để cứu trợ cho 7.167 hộ nghèo (33.334 nhân khẩu) đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; huyện Vĩnh Linh trích ngân sách 99 triệu đồng mua hơn 08 tấn gạo để cứu trợ cho hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thuộc 03 xã vùng dân tộc thiểu số.

⁴⁵ Trong đó: 13.989 người khuyết tật; 1.337 đối tượng đơn thân nuôi con nhỏ, hộ nghèo; 190 trẻ em không nguồn nuôi dưỡng; 899 người cao tuổi cô đơn; 13.501 người từ đủ 80 tuổi trở lên; 19 người bị nhiễm HIV không có khả năng lao động; 3.276 hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng; 37 gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em không nơi nương tựa; 23 người nhận nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng.

nghèo⁴⁶. Ước tính năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,75% (-2.940 hộ nghèo); đến cuối năm 2018 hộ nghèo toàn tỉnh còn lại 9,77% (16.601 hộ nghèo). Trong đó: hộ nghèo của huyện nghèo Đakrông giảm 5% (-480 hộ nghèo); đến cuối năm 2018 hộ nghèo của huyện Đakrông còn 40,64% (4.006 hộ nghèo).

4. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Trong năm 2018, tỉnh đã tổ chức thành công nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT chào mừng các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước với nhiều hình thức phong phú và đa dạng⁴⁷. Tổ chức tốt công tác khánh tiết, đón, phục vụ du khách và nhân dân đến tham quan, thăm viếng, dâng hương tại các di tích.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục duy trì hiệu quả⁴⁸. Thể thao quần chúng được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động⁴⁹, thể thao thành tích cao được quan tâm, duy trì tập luyện thường xuyên các lớp năng khiếu, đội tuyển tỉnh và đội tuyển trẻ⁵⁰; Công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học được chú trọng, chất lượng phong trào được nâng lên rõ rệt: 100% các trường THCS, THPT tổ chức giảng dạy nội khoá, 98% số trường tổ chức giảng dạy ngoại khoá có nề nếp. Nhiều giải thể thao được tổ chức thành công, thu hút được sự quan tâm của quần chúng nhân dân⁵¹.

- Lãnh đạo tỉnh đã chỉ đạo triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phát triển du lịch của tỉnh⁵². Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tiếp tục rà soát, bổ sung Quy hoạch phát triển

⁴⁶ Thực hiện cấp 162.342 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và người dân ở vùng đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí 113 tỷ đồng. Thực hiện miễn, giảm học phí cho 22.754 lượt học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo và hỗ trợ về chi phí học tập cho 26.812 lượt học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo với tổng kinh phí 18.547 triệu đồng.

⁴⁷ Kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam và Mừng Xuân Mậu Tuất - 2018; Kỷ niệm 111 năm ngày sinh Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn; 50 năm cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân - 1968; 46 năm ngày giải phóng Quảng Trị; 43 năm ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước; 128 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 50 năm Ngày chiến thắng Khe Sanh - Giải phóng Hương Hóa; 71 năm ngày Thương binh, Liệt sỹ; 73 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; 45 năm ngày Lãnh tụ Cuba Fidel Castro đến thăm vùng giải phóng miền Nam Việt Nam...

⁴⁸ Đến nay, toàn tỉnh có: 148.908 gia đình đạt gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 90,5%; 1039/1082 làng, bản, khu phố được công nhận làng, bản, khu phố văn hóa, đạt tỷ lệ 96,03%; 974/1045 cơ quan, đơn vị được công nhận đơn vị văn hóa, đạt tỷ lệ 93,2%; 05/24 phường, thị trấn được công nhận phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị...

⁴⁹ Tỉnh đến nay, tỉ lệ người tập TDTT thường xuyên đạt 31,1%; tỉ lệ gia đình thể thao đạt 25,9%; có 775 câu lạc bộ và điểm tập TDTT trên địa bàn tỉnh, có 02 liên đoàn và hiệp hội. Công tác giáo dục thể chất và thể thao trong trường học được chú trọng, chất lượng phong trào được nâng lên rõ rệt...

⁵⁰ Tổng số VĐV được đào tạo tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh là 103 VĐV (31 VĐV tuyển tỉnh, 21 VĐV tuyển trẻ và 51 VĐV tuyển năng khiếu) với 08 bộ môn.

⁵¹ Giải Bóng chuyền, Cầu lông Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh; Giải Bóng đá nam U11 Cúp QRTV Quảng Trị lần thứ IV, năm 2018; Hội thi Thể thao học đường tỉnh Quảng Trị năm 2018; Giải Bóng đá Báo Quảng Trị năm 2018 - Cúp Trường Sơn, Giải Bóng đá Hội khỏe Phù Đổng học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở toàn quốc Cúp Milo năm 2018; Giải Võ cổ truyền trẻ tỉnh Quảng Trị năm 2018...

⁵² Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 03 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế, 12 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa; với 178 khách sạn, nhà nghỉ du lịch (02 khách sạn 4 sao, 08 khách sạn 3 sao, 51 khách sạn từ 1-2 sao, 116 nhà nghỉ du lịch), hơn 3.017 buồng, 5.260 giường. Hoạt động kinh doanh du lịch đã được khôi phục, tổng số lượng khách du lịch đến Quảng Trị ước đạt trên 1.300 ngàn lượt khách (tăng 14% so với năm 2016).

các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Hoạt động kinh doanh du lịch phát triển mạnh, tổng số lượng khách du lịch đến Quảng Trị ước đạt trên 1.838 ngàn lượt khách (tăng 11% so với năm 2017). Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 06 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế, 10 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa; với 183 khách sạn, nhà nghỉ du lịch (02 khách sạn 4 sao, 08 khách sạn 3 sao, 51 khách sạn từ 1-2 sao, 122 nhà nghỉ du lịch), hơn 3.070 buồng, 5.345 giường.

5. Thông tin - truyền thông

- UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, bưu chính, viễn thông và CNTT. Tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền; vận hành tốt mạng lưới thông tin, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. Hạ tầng bưu chính phát triển ổn định⁵³; hạ tầng viễn thông được nâng cấp, mở rộng và nâng cao chất lượng⁵⁴. Ước tổng số thuê bao điện thoại năm 2018 có 616.254 thuê bao, đạt mật độ > 99 thuê bao/100 dân

- Đã chú trọng đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNTT góp phần thúc đẩy công tác cải cách và hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh với các phần mềm một cửa điện tử, dịch vụ công; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Cổng thông tin doanh nghiệp nhỏ và vừa Quảng Trị; xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Công tác quản lý báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại ngày càng được tăng cường, các cơ quan báo chí, xuất bản hoạt động theo đúng định hướng của Đảng, sự chỉ đạo của Nhà nước; thông tin, tuyên truyền kịp thời, có chiều sâu về những sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh. Báo Quảng Trị phát hành trên 260 kỳ ấn phẩm chính với 3.600 bản/kỳ; phát hành hơn 10 kỳ ấn phẩm phụ với hơn 3.600 bản/kỳ;

- Hoạt động khai thác mạng lưới, vận chuyển trong lĩnh vực bưu chính, chuyên phát ổn định. Hệ thống viễn thông đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân và phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh cũng như công tác phòng chống lụt, bão.

6. Công tác dân tộc và miền núi:

Tình hình kinh tế và đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng miền núi nhìn chung ổn định, có những bước chuyển biến tích cực không có tình trạng thiếu ăn trong kỳ giáp hạt. Các cấp ủy Đảng, chính quyền luôn quan tâm thực hiện tốt các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các chương trình, chính sách, dự án đầu tư cho vùng miền

⁵³ Trên địa bàn tỉnh có 167 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, trong đó: 43 bưu cục cấp 2 và 3, 01 bưu cục Hệ 1; 109/130 xã, phường có điểm Bưu điện Văn hóa xã (BĐ-VHX); 6 đại lý chuyển phát; 8 thùng thư công cộng độc lập. 94/141 xã, phường, thị trấn và 9/10 huyện, thị, thành phố có báo đến trong ngày (riêng huyện đảo Cồn Cỏ)

⁵⁴ Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động (BTS) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 2214 trạm (807 trạm 2G, 940 trạm 3G, 467 trạm 4G (trong đó 227 trạm consite là trạm 2G)).

núi được thực hiện đầy đủ, kịp thời, phát huy được hiệu quả. Cuộc sống người dân được cải thiện rõ rệt, kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, có hiệu quả, tạo thêm nhiều việc làm, tăng cường bảo vệ rừng, môi trường sinh thái, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá để thoát đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu.

Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; không có các vụ khiếu kiện tập thể và tranh chấp đất đai nội vùng đồng bào DTTS. Hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn diễn ra theo đúng quy định pháp luật. Tình hình an ninh biên giới luôn được giữ vững. Công tác tuyên truyền vận động, phổ biến các chính sách của Đảng và nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm, chú trọng thường xuyên và liên tục. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cho các trưởng thôn, bản, người có uy tín trong đồng bào DTTS tạo điều kiện cho họ được tham quan học tập, nắm bắt thông tin; góp phần đẩy mạnh công tác vận động đồng bào các DTTS hiểu và thực hiện tốt Hiến pháp, pháp luật và các chính sách dân tộc.

7. Khoa học và Công nghệ:

- Trong năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai đồng bộ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025, ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh. Nhờ đó, hoạt động khoa học - công nghệ trong năm có nhiều chuyển biến tích cực và tiến bộ, ngày càng gắn với đời sống thực tiễn và yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng tới tính hiệu quả, hướng tới doanh nghiệp, thị trường và từng bước khẳng định được vai trò thúc đẩy nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống được chú trọng và đạt được nhiều kết quả tích cực.

- Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh triển khai trên nhiều lĩnh vực, trong đó tập trung triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm, các dự án KH&CN về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng, có triển vọng cũng như tập trung hoàn thiện, chuyển giao các công nghệ, các mô hình mới gắn với thực tiễn sản xuất của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Các nhiệm vụ được điều chỉnh tổ chức theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm, định hướng liên kết "4 nhà" để tạo tiền đề nhân rộng. Tiêu biểu trong lĩnh vực nông nghiệp, tỉnh triển khai ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm probiotic có các chủng vi sinh vật hữu ích phù hợp với điều kiện tỉnh Quảng Trị và ứng dụng bổ sung vào thức ăn nuôi trồng thủy sản phục vụ phát triển nghề nuôi trồng thủy sản nói chung, phát triển nghề nuôi tôm nói riêng theo hướng sản xuất hàng hoá có sức cạnh tranh cao phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu, theo hướng phát triển bền vững. Đối với lúa là sản phẩm chủ lực của tỉnh, đã tiến hành nghiên cứu khảo nghiệm tập đoàn giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao để bổ sung vào cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh và phục tráng giống lúa HC95 nhằm tạo ra được 1 bộ giống tốt, sạch bệnh mang các đặc tính tốt ban đầu của giống gốc...

- Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường. Công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp công bố tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật, đăng ký mã số mã vạch, công bố sử dụng và đánh giá chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng được tăng cường, tạo điều kiện giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và thương mại hóa sản phẩm của mình⁵⁵. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các tầng lớp nhân dân và tập huấn nâng cao kiến thức, trình độ cho các đối tượng có liên quan đến nhiệm vụ đo lường chất lượng được chú trọng⁵⁶.

III. TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG

- Công tác quản lý tài nguyên, đất đai, khoáng sản được tăng cường. UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường, kiên quyết dừng chủ trương đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Huy động nhiều nguồn vốn để từng bước đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở sản xuất công nghiệp.

- Công tác giao đất, cho thuê đất, đo đạc, lập bản đồ địa chính được triển khai thực hiện nghiêm túc và đồng bộ. Trong 10 tháng đầu năm 2018, đã xử lý 180 hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các tổ chức, doanh nghiệp, 13.565 hồ sơ của cá nhân đảm bảo quy trình và thời gian theo quy định. Tổ chức tổng hợp kết quả thống kê đất đai năm 2017 báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cho 10/10 đơn vị cấp huyện

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên khoáng sản theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 86-KL/TU ngày 05/7/2018 và ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 234/HĐND-KTNS ngày 22/8/2018

- Đã tổ chức rất nhiều hoạt động thiết thực hưởng ứng ngày môi trường thế giới và chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2018 UBND tỉnh yêu cầu đẩy mạnh các phong trào BVMT, đặc biệt là khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh bằng các hành động cụ thể với phương châm hiệu quả, thiết thực, đảm bảo phong trào được duy trì thường xuyên, tạo bước chuyển biến mới trong công tác BVMT....

Tiếp nhận và xử lý kịp thời các hồ sơ thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Công tác kê khai, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được tăng cường. Tổ chức kiểm tra, xử lý các tổ chức sử dụng đất không đúng tiến độ hoặc sử dụng sai mục đích; kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường. Từ đầu năm đến nay, đã phát hiện và xử lý 07 vụ vi phạm môi trường, tăng 04 vụ so với cùng kỳ năm trước; số tiền xử phạt 327 triệu đồng.

⁵⁵ Tiếp nhận 17 bộ hồ sơ và thông báo công bố hợp quy áp dụng cho sản phẩm; Hướng dẫn 09 tổ chức/cá nhân lập hồ sơ đăng ký sử dụng mã số mã vạch và ghi nhãn hàng hóa...

⁵⁶ Đã tổ chức 05 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật về TCĐLCL cho 200 học viên;

- Đến cuối năm 2018, Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom ước đạt 99%; Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 92,52%; Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch ước đạt 92%.

IV. QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI

- Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường. Chủ động ngăn chặn mọi âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo đảm an ninh trên mặt trận kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả. Công tác bảo đảm an toàn giao thông được tăng cường. Các lực lượng vũ trang đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng, các ngày lễ, Tết trên địa bàn tỉnh. Công tác Phòng cháy chữa cháy được quan tâm chỉ đạo.

Từ 16/12/2017 đến 15/10/2018 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 162 vụ tai nạn giao thông⁵⁷, làm chết 105 người, bị thương 116 người; so với cùng kỳ năm trước số vụ giảm 12,4% (-23 vụ), số người chết giảm 0,9% (-01 người), số người bị thương giảm 26,6% (-42 người).

- Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng kế hoạch. Diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Quảng Trị năm 2018 được tổ chức theo đúng kế hoạch và đạt kết quả tốt. Hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân, kiểm tra sẵn sàng động viên, quân nhân dự bị năm 2018; tuyển sinh quân sự; kiện toàn lực lượng dân quân tự vệ; giáo dục quốc phòng - an ninh.

- Chế độ trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì nghiêm túc, các lực lượng vũ trang đã phối hợp với chính quyền cơ sở nắm chắc tình hình biên giới, nội địa, tuyến biển đảo; hoàn thành tốt nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, lãnh hải. Hoạt động giao lưu, phối hợp, hiệp đồng chiến đấu với lực lượng vũ trang bạn được tổ chức thường xuyên; góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển.

- Hoạt động đối ngoại tiếp tục đạt được những kết quả đáng ghi nhận. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành và địa phương triển khai hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 25/7/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh Hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Hoạt động xúc tiến đầu tư FDI được tăng cường với việc ký kết 05 Biên bản ghi nhớ (MOU) với các nhà đầu tư nước ngoài mở ra khả năng triển khai các dự án đầu tư trong năm 2019 và các năm tiếp theo. Viện trợ Phi chính phủ nước ngoài (NGO) tiếp tục là điểm sáng trong hoạt động đối ngoại. Trong năm 2018, toàn tỉnh đã vận động được 32 dự án với giá trị cam kết 18,48 triệu USD, tương đương với 416 tỉ Đồng, vượt kế hoạch đề ra. Các dự án cũng đã giải quyết việc làm với thu nhập ổn định cho trên 700 lao động. Quảng Trị đã phối hợp với hai

⁵⁷ Trong tổng số vụ tai nạn giao thông 10 tháng, đường bộ xảy ra 159 vụ, làm chết 102 người, bị thương 116 người; đường sắt xảy ra 03 vụ, làm chết 03 người.

tỉnh Salavan, Savannakhet/ CHDCND Lào hoàn thành việc thống kê, phân loại người di cư tự do và kết hôn không giá thú vùng biên giới Việt – Lào, trình cơ quan chức năng hai nước, sớm ổn định đời sống và sản xuất cho nhân dân vùng biên giới. Tính đến 30/10/2018, toàn tỉnh đón tiếp, làm việc với 152 đoàn với 1.299 người đến thăm và làm việc tại Quảng Trị. Trong đó, có nhiều đoàn cấp cao. Đặc biệt, đã tổ chức thành công hoạt động đối ngoại cấp nhà nước tại Quảng Trị - Kỷ niệm 45 năm Chủ tịch Cu-ba Phi-đen Cát-xơ-rô đến thăm vùng giải phóng Miền Nam Việt Nam với sự tham dự của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam và Cu Ba; làm thủ tục cho 122 đoàn với 462 người thuộc các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh đi công tác, học tập ở nước ngoài..

V. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO

- Tiếp tục thực hiện tốt các chỉ số cải cách hành chính năm 2018, thực hiện Chương trình hành động nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, Chương trình hành động duy trì củng cố chỉ số PAPI. UBND tỉnh đã ban hành chỉ đạo thực hiện có kết quả kế hoạch công tác cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2018; kế hoạch triển khai nhân rộng thực hiện một cửa điện tử; Báo cáo tự chấm điểm chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh năm 2017, cung cấp các tài liệu kiểm chứng để phục vụ việc chấm điểm chỉ số CCHC, kết quả chỉ số Cải cách hành chính và chỉ số mức độ hài lòng của người dân năm 2017 tỉnh Quảng Trị đứng thứ 18/63 tỉnh, thành phố...

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương; Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 27/4/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 07/5/2018 về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Đồng thời UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương Đảng.

Đến nay các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo đúng định hướng. Về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập: toàn tỉnh đã thực hiện sáp nhập, hợp nhất 234 đơn vị, thành 105 đơn vị, giảm 129 đơn vị, đạt 68,6% kế hoạch; Về sắp xếp thôn, bản, khu phố: UBND các huyện, thành phố, thị xã đã chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng Đề án sáp nhập thôn, khu phố tổ chức lấy ý kiến cử tri, trình HĐND xã, phường, thị trấn thông qua 84/141 xã, phường, thị trấn với dự kiến giảm 398/1.082 thôn, khu phố; còn lại 57/141 xã, phường, thị trấn đang hoàn chỉnh để thông qua.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 2083/KH-UBND ngày 09/6/2015 về triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế từ năm 2015 đến năm 2021 tỉnh Quảng Trị và các Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021, trong năm 2018, các cơ quan, đơn vị đã rà soát, tăng

cường việc thực hiện tinh giản biên chế tại các cơ quan, đơn vị theo Đề án được phê duyệt và Công văn rà soát bổ sung tinh giản biên chế đợt 2, 6 tháng đầu năm 2018. Đến nay đã thực hiện tinh giản biên chế 4 đợt của năm 2018 đối với 108 trường hợp.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý được chú trọng nâng cao về chất lượng, hiệu quả. Chú trọng việc giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền tư pháp thật sự trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý và phục vụ nhân dân.

- Công tác thanh tra và phòng chống tham nhũng được triển khai thực hiện đồng bộ theo đúng kế hoạch⁵⁸, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và giữ vững kỷ cương nhà nước⁵⁹. Thanh tra chuyên ngành đã triển khai 122 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành⁶⁰. Công tác tiếp công dân được lãnh đạo chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng giải quyết từ cơ sở⁶¹. Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng tiếp tục được nâng cao chất lượng.

VI. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ:

1. Khó khăn, hạn chế:

- Việc triển khai thực hiện một số chương trình, đề án, lĩnh vực trọng điểm mang tính đột phá còn chậm (Các dự án trọng điểm được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đến nay vẫn đang trong giai đoạn triển khai các thủ tục, các bước để chuẩn bị cho công tác khởi công).

- Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công có tiến bộ hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn còn có một số dự án quan trọng được ưu tiên bố trí vốn đầu tư nhưng tiến độ thực hiện và giải ngân chậm; việc bố trí vốn nước ngoài cấp phát qua NSTW còn thiếu so với nhu cầu và Hiệp định đã ký kết nên chưa thực hiện theo đúng cam kết với nhà tài trợ; quản lý tài nguyên, khoáng sản có mặt chưa hiệu quả, các hạn chế nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động thu hút đầu tư và tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Việc triển khai thực hiện chủ đề “Năm doanh nghiệp” còn chậm, sự vào cuộc của các cấp, ngành, địa phương có mặt thiếu chủ động, sáng tạo và quyết liệt. Công tác CCHC đã có nhiều chuyển biến, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được

⁵⁸ Toàn ngành Thanh tra đã tổ chức 54 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 63 đơn vị, tổ chức (13 cuộc từ năm 2017 chuyển sang), kết thúc 42 cuộc thanh tra trực tiếp; đã ban hành kết luận 40 cuộc, phát hiện 40 đơn vị có sai phạm; phát hiện số tiền sai phạm là 4.853.502.439 đồng; kiến nghị thu hồi 3.244.826.726 đồng, kiến nghị khác 1.608.675.713; đã thu 3.704.826.556 đồng.

⁵⁹ Các đơn vị thanh tra đã tiến hành 08 cuộc thanh tra trách nhiệm thủ trưởng trong việc thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng tại 8 đơn vị, phát hiện 01 đơn vị có vi phạm..

⁶⁰ Có 915 cá nhân và 360 tổ chức được kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra, các đơn vị đã phát hiện 250 cá nhân và 159 tổ chức có sai phạm, đã ban hành 269 quyết định xử phạt hành chính.

⁶¹ Thanh tra tỉnh, Ban tiếp công dân tỉnh cùng các cấp, các ngành tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp công dân với tổng số 853 lượt/1.274 người/823 vụ việc (127 vụ cũ; 696 vụ mới), so với năm 2017, số lượt giảm 40,5%, số người giảm 58,9% so với năm 2017.

yêu cầu. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước chưa gắn với công tác hiện đại hóa nền hành chính, nhất là trong chỉ đạo và điều hành công việc qua mạng.

- Chỉ số phát triển sản xuất toàn ngành công nghiệp đạt thấp là do sản xuất tinh bột sản thiếu nguyên liệu, mức tiêu thụ bia Hà Nội chững lại, một số nhà máy sản xuất công nghiệp đã đạt công suất thiết kế nên không có thêm sản phẩm mới, một số nhà máy thủy điện chậm tiến độ so với kế hoạch đưa vào hoạt động,...

- Việc triển khai thực hiện mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đang gặp một số khó khăn, thách thức như: chưa chủ động hội nhập quốc tế, thị trường còn bó hẹp, thiếu cơ sở hạ tầng và sản phẩm du lịch mang tính đặc thù, đặc trưng,...

- Công tác xúc tiến, vận động, thu hút đầu tư được lãnh đạo tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện nhưng kết quả mang lại chưa tương xứng. Nhiều nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước đến Quảng Trị tìm hiểu nhưng đến nay số dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn ít, chưa có dự án lớn có tính chất tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Số doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động tăng cao so với cùng kỳ năm trước⁶².

- Khả năng hấp thụ và chất lượng vốn FDI rất thấp, các dự án FDI đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đều có quy mô rất nhỏ, không có các dự án vốn lớn, công nghệ cao, công nghệ nguồn, các dự án tạo động lực phát triển KT-XH cho địa phương. Một số dự án tạm dừng hoạt động hoặc hoạt động với hiệu quả thấp⁶³, “*cầm chừng*” do khó khăn về thị trường đầu ra, nguồn vốn đầu tư...

- Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học mặc dù đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu và chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là nhu cầu về phòng học và nhà công vụ. Đội ngũ nhà giáo và nhân viên trường học còn bất cập về số lượng, chất lượng và cơ cấu.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, năng lực hạn chế, có biểu hiện sách nhiễu, vi phạm đạo đức, lối sống. Việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính có lúc chưa nghiêm, công tác quản lý cán bộ có mặt còn buông lỏng.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Năm 2018, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, căng thẳng do chiến tranh thương mại giữa Mỹ và các nền kinh tế lớn, xu hướng bảo hộ mậu dịch tiếp tục gia tăng, tạo áp lực lớn cho điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi

⁶² Số doanh nghiệp ngừng hoạt động là 111 doanh nghiệp, tăng 12,12% so với cùng kỳ năm 2017; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh là 46 doanh nghiệp, tăng 9,52%.

⁶³ Dự án Lắp ráp xe lăn, đóng gói nông sản và các thủ công mỹ nghệ và Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế, vỏ tàu lượn bằng composite và gia công cơ khí của Công ty TNHH Kids First; Dự án Khu Thương mại Trung Quốc của Công ty TNHH Phát triển TM Thái Dương - Lao Bảo; Dự án sản xuất tôm giống tại tỉnh Quảng Trị của Công ty TNHH Uni-President Việt Nam - CN Quảng Trị.

suất và lạm phát trong nước; kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế thấp hơn cùng kỳ.

- Nền kinh tế tỉnh có xuất phát điểm thấp, quy mô nhỏ; chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh còn hạn chế; Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng về cơ bản, tỉnh vẫn chưa hình thành được vùng kinh tế động lực, chưa có nhiều dự án sản xuất kinh doanh tạo cú hích đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội...

- Trong giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã có sự điều chỉnh lớn về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực ODA để phù hợp với thông lệ quốc tế và quan điểm tiếp cận của các định chế tài chính quốc tế. Đồng thời quy định trần nợ công đối với các địa phương theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Theo đó, tỷ lệ hỗ trợ vốn đối ứng đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 từ nguồn NSTW từ 90% đã giảm xuống còn 80%, đồng nghĩa với việc nguồn vốn NSDP phải cân đối để gánh thêm 10% đối ứng so với giai đoạn 2011-2015. Đây là một thách thức và trở ngại rất lớn đối với các tỉnh có điều kiện kinh tế khó khăn như Quảng Trị.

- Vốn nước ngoài trong kế hoạch trung hạn 2016-2020 của một số dự án ODA trên địa bàn tỉnh chưa được giao hoặc giao thấp nên ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện các dự án ODA⁶⁴.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Vẫn còn một số ngành, địa phương chậm đề ra kế hoạch và giải pháp cụ thể, căn cơ và mang tính đột phá để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra; chậm đề xuất để tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tạo sức bật mới, nhất là trong các lĩnh vực có tính chất phức tạp, đặc thù; chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trọng nội bộ một số ngành, lĩnh vực, nhất là những vấn đề liên quan đến chức năng quản lý nhà nước được phân công, về cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; năng lực thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; thiếu sự mạnh mẽ và quyết liệt trong tổ chức thực hiện...

- Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư tuy đã được đổi mới, thực hiện quyết liệt với nhiều nỗ lực nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Chủ trương xã hội hóa trong thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển thực hiện còn hạn chế.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa thể hiện tinh thần hành động và quyết tâm phấn đấu vì mục tiêu chung. Chính sách thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi về công tác trong lĩnh vực y tế của tỉnh thực hiện chưa hiệu quả. Công tác quản lý trong lĩnh vực giáo dục còn nhiều bất cập. Công tác quảng bá, thu hút, liên kết tạo đầu ra về việc làm cho học viên trong đào

⁶⁴ Tổng vốn nước ngoài cân bố trí cho các dự án ODA (bao gồm các dự án Ô) trong kế hoạch trung hạn 2016-2020 là 5.608,588 tỷ đồng. Tuy vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo bố trí cho địa phương tại văn bản số 1186/BKHĐT-TH ngày 17/02/2017 là 2.394,068 tỷ đồng; Như vậy, tổng vốn nước ngoài TW dự kiến phân bổ cho tỉnh chỉ đáp ứng khoảng 43% so với nhu cầu vốn của các dự án ODA đã được ký kết hiệp định và đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

tạo nghề còn hạn chế. Các Trung tâm dạy nghề đang thực hiện sáp nhập đã ảnh hưởng một phần đến hoạt động tuyển sinh, đào tạo nghề.

- Năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực quản trị của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

Phần thứ hai **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI** **VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2019**

Dự báo triển vọng kinh tế cả nước năm 2019 tiếp tục khả quan, bên cạnh những cơ hội và điều kiện thuận lợi cơ bản đã có; quyết tâm của Đảng và Chính phủ về xây dựng hệ thống hành chính liêm chính, hành động, phục vụ sẽ tạo ra những chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực, nhất là ổn định nền tảng vĩ mô, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế,... Tuy nhiên, nền kinh tế đất nước và của tỉnh sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức. Chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc; thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường. Nhu cầu đầu tư cho phát triển các ngành, lĩnh vực và các địa phương rất lớn nhưng nguồn lực còn hạn hẹp. Tái cơ cấu các ngành kinh tế cần nhiều thời gian để tổ chức thực hiện. Tình hình đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hành động quyết liệt, năng động sáng tạo, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2019.

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) cao hơn so với năm 2018. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính thực chất trong thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu các ngành kinh tế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược; phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo và thúc đẩy khởi nghiệp. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống nhân dân. Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ vững chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (theo GRDP) đạt từ 7,5-8,0% so với năm 2018, trong đó: nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4,0-4,5%; công nghiệp - xây dựng tăng 10,5-11,0%; dịch vụ tăng 7,5-8,0%.
- GRDP bình quân đầu người đạt từ 46-48 triệu đồng.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 18.000-20.000 tỷ đồng.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 2.888 tỷ đồng, bao gồm: Thu nội địa 2.570 tỷ đồng, tăng 12% so với ước thực hiện năm 2018 (2.295 tỷ đồng); Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 315 tỷ đồng, tăng 4,3% so với ước thực hiện 2018 (302 tỷ đồng)
- Tổng chi ngân sách địa phương: 7.906,788 tỷ đồng.
- Sản lượng lương thực có hạt 26 vạn tấn.
- Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày 550 ha (trong đó: Cà phê: 150 ha, Cao su: 350 ha; Hồ tiêu: 50 ha)
- Trồng mới rừng tập trung: 6.000 ha, cây phân tán đạt 2,5 triệu cây.
- Sản lượng thủy hải sản đạt 32.700 tấn.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới là 47,8-49,5% (có thêm 6-8 xã đạt chuẩn nông thôn mới).
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 29.900 tỷ đồng.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Giữ vững chuẩn phổ cập THCS tại 100% xã, phường, thị trấn; phấn đấu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 97%, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học đạt 99,8% và THCS đạt 96%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 59,73%, trong đó qua đào tạo nghề 42% và có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%.
- Tạo việc làm mới cho trên 10.500 lao động, trong đó có trên 1.200 lao động xuất khẩu.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94%.
- Mức giảm tỷ suất sinh dưới 0,3‰
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh 1,5-2%, trong đó đối với huyện nghèo và các xã nghèo giảm trên 4%.
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi xuống dưới 13,3%.

2.3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng khoảng 50%;
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt: 92,83%.
- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch đạt 93,5 %.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom 99%.

II. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC:

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ và có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được BCH Đảng bộ tỉnh xác định trong nửa cuối nhiệm kỳ 2016-2020

Năm 2019 là năm có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, vì vậy, các Sở, Ban ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố, thị xã cần tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Chương trình hành động số 26-CTHĐ/TU ngày 15/ 6/2016 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động, Kế hoạch hành động và Đề án cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

Bên cạnh đó, cần tập trung rà soát, xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 của Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong nửa đầu nhiệm kỳ 2015-2020 và Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 của Tỉnh ủy (ban hành kèm theo Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 17/9/2018); Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Kết luận của Hội nghị BCH Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2019.

2. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô và kiểm soát lạm phát theo chủ trương của Chính phủ

Chấp hành chủ trương của Chính phủ về điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng; chính sách tỷ giá linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường.

Tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hộ dân trong tiếp cận các nguồn vốn vay, nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu⁶⁵. Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục triển khai cho vay các chương trình tín dụng cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về chính sách tài khoá chủ động, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách. Tăng cường chống thất thu, chuyên giá, giảm nợ đọng thuế. Đẩy mạnh quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm

⁶⁵ Triển khai tốt Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách phục vụ nông nghiệp; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020

của các đơn vị sử dụng ngân sách. Tổ chức thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Tích cực tìm các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất, nuôi dưỡng và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Đẩy mạnh công tác thu, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đối tượng nộp thuế. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định; hạn chế tình trạng nợ đọng thuế. Đẩy nhanh tiến độ các dự án sản xuất có khả năng hoàn thành trong năm để sớm đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng nguồn thu. Phấn đấu quyết liệt để thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách năm 2019.

3. Đẩy mạnh việc thực hiện tái cơ cấu lại nền kinh tế một cách đồng bộ, toàn diện, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với tăng chất lượng, hiệu quả, nâng cao năng suất lao động

Tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế tỉnh theo các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình đã đề ra⁶⁶. Tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 57/CTHĐ-TU ngày 29/4/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của BCH trung ương Đảng khóa XII "Về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế"; Chương trình hành động số 94/CTHĐ-TU ngày 17/10/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 của BCH Trung ương khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thành nhiệm vụ cổ phần hóa các DNNN của tỉnh theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gắn với đổi mới và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNNN trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công, Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Ngân sách nhà nước và chủ trương của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công.

4. Tiếp tục tổ chức thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 395/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 26/02/2018 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 93-CTHĐ/TU

⁶⁶ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư BCH Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình hành động số 57-CTHĐ/TU ngày 20/4/2017 thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW của Trung ương; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định 230/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND tỉnh về chuyển đổi từ trồng Lúa sang trồng Ngô trên đất trồng Lúa giai đoạn 2016 - 2019; Đề án tái canh và phát triển bền vững cây cà phê chè huyện Hướng Hóa giai đoạn 2016 - 2020.

ngày 17/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung nguồn lực tổ chức lập quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch và các Nghị định hướng dẫn.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2020 và Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút và tạo nguồn nhân lực có chất lượng của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013 -2020. Xây dựng chính sách cụ thể khuyến khích, thu hút giáo viên dạy nghề và chính sách trợ cấp phù hợp để thu hút cán bộ chuyên môn giỏi nhằm đáp ứng nhu cầu tái cơ cấu nền kinh tế. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 54,4%, trong đó qua đào tạo nghề 38,93% và có bằng cấp, chứng chỉ trên 30%.

Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong nước, trong tỉnh. Xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực dịch vụ công. Áp dụng hình thức đối tác công tư (PPP) trong thực hiện các chương trình, dự án, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng. Tiếp tục thực hiện xã hội hóa đầu tư một số bến xe, cảng, chợ, cơ sở y tế, trường học... để huy động nguồn vốn từ khu vực kinh tế tư nhân. Tập trung tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào tỉnh. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương để vận động và triển khai thực hiện các dự án ODA và nguồn vốn do các bộ, ngành Trung ương quản lý để đầu tư xây dựng các dự án quan trọng của tỉnh. Phần đầu triển khai một số dự án động lực đã được xác định, nhất là tại KKT Đông Nam để thúc đẩy tăng trưởng, góp phần tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

5. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp

Tổ chức thực hiện các Nghị quyết 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Trong đó trọng tâm là tiếp tục rà soát, cắt giảm các thủ tục hành chính, giảm chi phí thời gian, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; tiếp tục thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 05/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kiến tạo và khởi nghiệp của các tổ

chức, cá nhân, doanh nghiệp nhằm huy động tối đa các nguồn lực đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động Năm doanh nghiệp – 2018 và Đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2021 của HĐND tỉnh; Bản cam kết của Chủ tịch UBND tỉnh với phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp và 9 cam kết của Chủ tịch UBND tỉnh với các nhà đầu tư; cam kết giữa Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ số thành phần nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Duy trì các cuộc đối thoại Doanh nghiệp, mô hình cà phê doanh nhân nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp.

Chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức hội nghị quán triệt đến toàn bộ cán bộ công chức về những phản ánh và những kiến nghị của doanh nghiệp; đồng thời, chấn chỉnh thái độ phục vụ doanh nghiệp đến toàn bộ công chức, viên chức ngành mình. Tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác tham vấn Doanh nghiệp, tạo điều kiện doanh nghiệp tham gia vào góp ý chính sách, pháp luật có liên quan tại tỉnh.

Đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm vào các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu dịch vụ du lịch của tỉnh theo đúng quy hoạch đặc biệt là Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

6. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực gắn với phát triển thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu

6.1. Về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới:

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến năm 2025; Đề án Tái canh cây cà phê theo Quyết định 837/QĐ-UBND ngày 24/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tái canh và phát triển bền vững cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, tính đến 2025...

Đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị hàng hoá, đảm bảo an ninh lương thực, hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với xây dựng cánh đồng lớn. Tăng cường công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng ứng phó với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi một số vùng đất sản xuất lúa thiếu nước, kém hiệu quả sang sản trồng các loại cây màu có hiệu quả cao hơn như ngô, đậu xanh, rau... hoặc nuôi trồng thủy sản. Tu sửa, nạo vét hệ thống kênh mương, quản lý các công trình ngăn mặn chặt chẽ và quản lý nước ở các công trình thủy lợi thật tốt để phục vụ sản xuất. Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động gắn với điều chỉnh quy hoạch sản xuất để phát triển cây công nghiệp

dài ngày chủ lực của tỉnh, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại, gia trại tập trung gắn với liên kết để giải quyết đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi. Tập trung đầu tư xây dựng vùng giống nhân dân, ưu tiên con nuôi chủ lực theo NQ 03/HĐND. Rà soát lại quy hoạch phát triển tổng đàn lợn. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm. Nâng cao ý thức về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường của người chăn nuôi. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh⁶⁷. Xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá. Hướng dẫn cho người dân ứng dụng công nghệ sinh học vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Duy trì, thực hiện tốt công tác quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh; khuyến khích ngư dân đóng mới, mua mới tàu xa bờ, cải hoán và nâng cấp tàu thuyền mua sắm ngư lưới cụ vươn khơi đánh bắt dài ngày hiệu quả. Đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ; quan tâm đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, tạo đột phá trong phát triển kinh tế thủy sản; tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất thủy sản.

Đẩy mạnh phát triển vốn rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp gắn với công tác bảo vệ rừng. Tiếp tục triển khai rà soát, chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất. Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng đến tận hộ nông dân để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc rừng. Khai thác gỗ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ một cách hợp lý và bền vững. Đẩy mạnh việc trồng rừng theo tiêu chuẩn, tiêu chí của FSC; Thực hiện tốt chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đúng quy định. Tăng cường công tác bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng.

Đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân; phát triển giáo dục, y tế và các phúc lợi xã hội ở nông thôn.

6.2. Công nghiệp - xây dựng

Tập trung thực hiện cơ cấu lại ngành công thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020 theo Đề án số 3145/ĐA-UBND ngày 13/7/2017 về Tái cơ cấu các ngành kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020. Tập trung

⁶⁷ Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính Phủ, về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa; Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế", chương trình phát triển thủy sản bền vững.

chủ yếu và các nhóm ngành trọng yếu, gồm: công nghiệp điện tái tạo, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống, công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến cao su, nhựa; công nghiệp dệt may, da giày. Tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu và có sức cạnh tranh trên thị trường. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp. Chỉ số sản xuất công nghiệp dự kiến tăng 10,94% so với năm 2018.

Huy động mọi nguồn vốn đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, đặc biệt là thu hút các dự án động lực vào Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị. Tăng cường thu hút đầu tư vào phát triển các ngành nghề mới và công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và từng bước cải tiến, đổi mới công nghệ các cơ sở hiện có đảm bảo phát triển ngành công nghiệp hiện đại và bền vững. Tích cực kêu gọi đầu tư các dự án dệt may vào các khu, cụm công nghiệp phát triển ngành dệt may.

Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 sau khi được Bộ Công Thương phê duyệt. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2018-2022 ban hành kèm theo Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.

Nâng cao chất lượng công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng, đặc biệt là quy hoạch xây dựng đô thị. Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng đô thị La Vang; triển khai lập nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng tỉnh; quy hoạch vật liệu xây dựng; quy hoạch chung xây dựng đô thị khu vực Bồ Bản; triển khai thực hiện đô thị Hướng Phùng. Thực hiện tốt Quy hoạch phát triển công viên, cây xanh, điện chiếu sáng đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến 2020, định hướng đến 2030. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam, Khu cửa khẩu quốc tế La Lay và các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Chủ động triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư trong kế hoạch năm 2018.

6.3. Hoạt động thương mại - dịch vụ:

Phát triển thị trường nội địa, ổn định cung - cầu hàng hóa; tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe của nhân dân; thắt chặt công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng nhằm bảo vệ quyền lợi của các nhà sản xuất và người tiêu dùng. Phân đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt 29.900 tỷ đồng.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 14/11/2017; Đề án “Phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017- 2020, định hướng đến

năm 2025” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 29/12/2017.

Tiếp tục tập trung đầu tư hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, cửa hàng xăng dầu), đầu tư phát triển dịch vụ phụ trợ liên quan đến quá trình phân phối hàng hoá. Khuyến khích đầu tư xây mới một số trung tâm thương mại theo quy hoạch, phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân và du khách.

Thực hiện hiệu quả, thiết thực cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng các sự kiện và tổ chức hội chợ triển lãm nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia vào chuỗi cung cấp hàng hóa của các nhà phân phối, các hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi trong tỉnh, khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Theo dõi sát diễn biến thị trường, nhất là trong thời điểm lễ, tết, mưa bão nhằm kịp thời bình ổn thị trường khi cần thiết.

7. Khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hợp lý, đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển kinh tế xanh và bền vững

Tổ chức phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2019. Ban hành bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024). Triển khai động bộ, thống nhất công tác cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai, hồ sơ địa chính trên hệ thống cơ sở dữ liệu đã xây dựng. Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch; quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đất, rừng, nước, khoáng sản. Tăng cường phát triển rừng đầu nguồn; bảo vệ môi trường nguồn nước. Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh và tính tiền cấp khai thác khoáng sản theo quy định. Đẩy mạnh việc kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, thăm dò, khai thác khoáng sản.

Nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình phòng tránh, năng lực phòng tránh và khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng kế hoạch chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, các phương án phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

Tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên Đài PT-TH, Báo Quảng Trị theo kế hoạch. Xây dựng Kế hoạch chi tiết tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn. Phê duyệt các hồ sơ môi trường, hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường xây dựng nông thôn mới. Xây dựng Đề án bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường theo ý kiến, kiến nghị của cử tri; giám sát các sự cố môi trường; xác nhận hoàn thành xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục theo dõi và triển khai các nhiệm vụ liên quan đến sự cố môi trường biển. Theo dõi, giám sát quan trắc tài nguyên và môi trường.

8. Phát triển hệ thống an sinh xã hội và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, thúc đẩy chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp; chú trọng giải quyết việc làm cho con em vùng biển. Duy trì thường xuyên sàn giao dịch việc làm, phát triển sàn giao dịch việc làm lưu động. Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2009 – 2020 đối với huyện nghèo Đakrông. Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động của các doanh nghiệp xuất khẩu lao động tại địa bàn.

Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh xã hội hoá xoá đói giảm nghèo, tiếp tục vận động phong trào ủng hộ quỹ Xóa đói giảm nghèo nhân "Ngày vì người nghèo" kêu gọi các Bộ, ngành, tổng công ty và địa phương giúp đỡ các xã nghèo. Thực hiện có hiệu quả đề án phát triển kinh tế-xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững huyện nghèo Đakrông theo Nghị quyết 30a của Chính phủ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm xoá đói giảm nghèo trong các cấp, các ngành và bản thân người nghèo; tổng kết và nhân rộng các mô hình, điển hình các cách làm ăn có hiệu quả phù hợp với từng vùng, địa phương, tăng cường cán bộ làm công tác XĐGN cho các xã ĐBKK miền núi.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 5/11/2012 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 69-CTHĐ/TU, ngày 02/7/2013 của Bộ T tình ủy Quảng Trị “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em trong tình hình mới”; Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2016-2020; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh về hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở, về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động y tế, khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập, mở rộng các hình thức chăm sóc sức khoẻ tại cộng đồng dân cư. Tiếp tục hỗ trợ đầu tư các trạm y tế xã theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Phần đầu có trên 98% xã, thị trấn, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trạm y tế xã phường có bác sĩ trên 90%. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 13,3%.

Chủ động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm. Bảo đảm vật tư, thuốc men, hoá chất để không chế dịch từ đầu, không để dịch lây ra diện rộng. Nâng cao chất lượng công tác kiểm dịch y tế biên giới, chủ động phát hiện và ngăn ngừa hạn chế mức thấp nhất để bệnh dịch xâm nhập vào địa bàn tỉnh. Chú trọng thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng. Chủ động, kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt, đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và không chế dịch bệnh, phòng chống HIV/AIDS.

Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách Dân số-Kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thông, quản lý và nâng cao chất lượng dân số, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng mô hình xây dựng Làng không có người sinh con thứ 3 trở lên. Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 0,3‰ và tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 1%.

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm tự nguyện, bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ em dưới 6 tuổi. Quản lý tốt hoạt động hành nghề y dược tư nhân và kinh doanh thuốc, dược phẩm.

9. Phát triển văn hóa - thể thao và du lịch

Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật. Tạo điều kiện nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và tham gia hoạt động, sáng tạo văn hóa của nhân dân. Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn minh đô thị.

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, nhất là trong các dịp tổ chức các sự kiện quan trọng của tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở” .

Tập trung chỉ đạo chuẩn bị lực lượng vận động viên cho các đội tuyển tham gia các giải thi đấu. Tích cực huy động các nguồn lực để xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động TDTT; quản lý và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị TDTT.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 83-CTHĐ/TU ngày 25/7/2017 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng các sản phẩm du lịch mới dựa trên tiềm năng thế mạnh của tỉnh. Khai thác, phát huy hiệu quả các di tích để hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của Quảng Trị. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, liên doanh, liên kết với các tỉnh miền Trung và các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây để phát triển du lịch.. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Luật Du lịch sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới; Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch; Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến 2030; Đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tại Quảng Trị. Xây dựng Đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Hồ Quảng Trị, Đề án Hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch.

10. Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 95-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy về thực hiện NQ số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả Đề án Quy hoạch tổng thể giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030. Cùng cố, duy trì kết quả phổ cập GDMN 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS, tiếp tục thực hiện phổ cập THPT. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở các cấp học và bậc học, đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo. Phát triển mạng lưới trường lớp trên cơ sở cơ cấu các cấp học có tính chất đồng bộ, phân bố cân đối, hợp lý. Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo trình độ chuyên môn - kỹ thuật, xây dựng lực lượng lao động có kiến thức và sức khỏe, năng động. Xây dựng xã hội hướng tới học tập thường xuyên, với các hình thức giáo dục đa dạng nhằm trang bị tri thức và các kỹ năng tiếp cận với cái mới.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, tích cực huy động các nguồn vốn để tăng cường đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, thành lập thêm một số trường học mới ở những khu vực đông dân cư; khuyến khích, tạo điều kiện cho tư nhân đầu tư xây dựng trường nuôi dạy trẻ, trường mẫu giáo tư thục, trung tâm tin học, trung tâm ngoại ngữ, trường dạy nghề, trường THPT dân lập... Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị trường học phục vụ học tập và giảng dạy. Tiếp tục thực hiện kiên cố hóa trường học, sửa chữa, nâng cấp trường lớp, phòng học, xây dựng các phòng chức năng cần thiết; xây dựng cảnh quan trường học. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm, thiết lập kỷ cương, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong các cơ sở giáo dục - đào tạo.

11. Về phát triển khoa học - công nghệ

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ phục vụ có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế- xã hội. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, các tiến bộ kỹ thuật canh tác, cải tạo đất phục vụ yêu cầu của sản xuất và đời sống. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; theo dõi ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu; xây dựng và phát triển các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, đặc biệt là dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ. Tăng cường hoạt động hợp tác trong lĩnh vực khoa học - công nghệ.

12. Về thông tin và truyền thông

Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển BCVT-CNTT đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030; Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ

động; Kế hoạch thực hiện Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020; Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 theo sự hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch số 5177/KH-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2016 và giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 3061/KH-UBND ngày 11/7/2017 về triển khai chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước gắn với công tác cải cách và hiện đại hóa nền hành chính; bảo đảm công tác an toàn và an ninh thông tin;

13. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 86-KH/TU, ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp gắn với việc thực hiện đề án vị trí việc làm, Kế hoạch số 84-KH/TU, ngày 27/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện các chỉ số thành phần còn thấp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu. Quan tâm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh.

14. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh

Quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng trong tình hình mới. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Tỉnh ủy về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Thực hiện tốt công tác bảo vệ ngư dân hoạt động trên biển. Tăng cường tuyên truyền, kiên quyết đấu tranh, khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo, lợi ích quốc gia ở biển Đông. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng khu vực phòng thủ trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng các công trình phòng thủ đảo Cồn Cỏ và điểm tựa phòng ngự tuyến biên giới đất liền. Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang; Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động tham mưu triển khai toàn diện các biện pháp bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ, sẵn sàng xử lý tốt các tình huống có thể xảy ra ngay từ cơ sở. Huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân với công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các loại tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, nhất là

ngăn chặn tình trạng mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy tại các xã, thị trấn vùng biên giới. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước

15. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế

Tiếp tục triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để tập trung phát triển kinh tế. Đẩy mạnh công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương thực hiện Chỉ thị 41-CT/TW ngày 15/4/2010. Triển khai Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 25/07/2017 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh Hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của BCH Trung ương Đảng khóa XII.

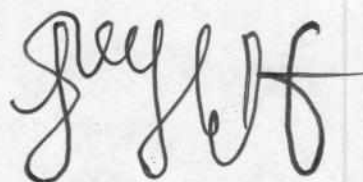
Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác, đầu tư giữa tỉnh Quảng Trị với tỉnh Savannakhet và Salavan/Lào; Đẩy mạnh hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây; Tăng cường phát triển quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, trong đó ưu tiên đẩy mạnh quan hệ với các nước Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan. Tập trung tháo gỡ khó khăn trong hoạt động của Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, xây dựng kết cấu hạ tầng Cửa khẩu quốc tế La Lay. Tích cực mở rộng quan hệ, vận động các nguồn tài trợ quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả chiến tranh. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2018 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2019, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- VPCP, VPQH, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- T.vụ TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- VP HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu VT, TH(D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

Biểu số 1
DỰ BÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2018

TT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	UTH 2018	So sánh
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng trưởng	%	7,02	7-7,5	7,14	Đạt
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,33	3,5	4,0	
	+ Công nghiệp và xây dựng	%	10,6	10,5	10,2	
	+ Dịch vụ	%	7,01	8,5	7,1	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	39,2	42	42,3	Vượt
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	11.486	14.000	14.000	Đạt
4	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2.431	2.597	2.597	Đạt
5	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	6.891	7.595	9.327	Vượt
6	Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	25,7	26	28,9	Vượt
7	Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày	Ha	666,3	700	700	Đạt
8	Trồng mới rừng tập trung	Ha	8.125	5.500-6000	7.240	Vượt
9	Sản lượng thủy hải sản	Tấn	31.529	32.000	32.587	Vượt
10	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới	%	35,9	41-42,7	42,7-44,4	Vượt
11	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	24.595	27.000	27.100	Vượt
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI					
12	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	94,1	96	96	Đạt
13	Tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi	%	99,8	99,8	99,8	Đạt
14	Tỷ lệ học sinh THCS đi học đúng độ tuổi	%	96	95	95	Đạt
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	49,57	54,4	54,5	Đạt

TT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	UTH 2018	So sánh
-	<i>Tr. đó: Có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	28	30	30	Đạt
16	Tạo việc làm mới	Lao động	11.782	9.500	11.000	Vượt
17	Mức giảm tỷ suất sinh	%	0,33	<0,3	0,3	Đạt
18	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	92,7	92	93,5	Vượt
19	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,97	1,5-2	1,75	Đạt
20	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị SDD	%	14,3	<14	<14	Đạt
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG					
21	Tỷ lệ che phủ rừng	%	50,1	50	50,1	Đạt
22	Tỷ lệ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	90,5	92	92	Đạt
23	Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91,28	92,52	92,52	Đạt
24	Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom	%	98,1	99	99	Đạt

(Năm 2018 tăng 02 chỉ tiêu so với năm 2017, trong đó chỉ tiêu số 7 theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, chỉ tiêu số 18 theo quy định của Chính phủ)